TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/DS-PT
Ngày 18-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa;

Bà Lê Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2020/TLPT-DS ngày 06/02/2020 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2020/QĐPT-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Tâm L, sinh năm 1976; thường trú: Ấp N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Trọng C, sinh năm 1981; thường trú: Số 22/23/18, đường 7, khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 14/4/2020).

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 8/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Mỹ H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Khóm 4, phường 9, thành phố T, tỉnh T.

2. Ông Thạch Văn L1, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố T, tỉnh T.

3. Ông, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 110, C, Phường 2, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông B: Ông Nguyễn Hoàng L3, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 18B, khu phố 6, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 25/3/2019).

4. Ông Mai Hoàng S, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 255C, khu phố 4, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Huỳnh Trung T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 13, ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh T.

6. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 16D/15, khu vực 6, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

7. Ông Lưu S1; địa chỉ: Số 383B/27, tổ 27, khu B, khu phố Nội Hóa 1, phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

8. Ông Lê Văn S2; địa chỉ: Số 13/9A, đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

9. Bà Kiều Mỹ H1; địa chỉ: Số 08/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

10. Bà Trần Thị Ngọc H2, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

11. Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Số 2220A Quốc lộ 1A, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thu Th - Trưởng Văn Phòng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2018, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 12/2016, nguyên đơn ông Nguyễn Tâm L mua của ông Lê Văn H chiếc xe Toyota mang biển số 65A – 038.90 (đăng ký biển số mới 61A – 333.26), có ký kết Hợp đồng mua bán xe số 15972, quyển số 07/TPV/SCC-HĐGD ngày 05/12/2016 tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai với giá ghi trên hợp đồng là 150.000.000 đồng nhưng giá thực tế là 435.000.000 đồng.

Theo Bản án hình sự số 07/2018/HSST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân

dân tỉnh T xác định chiếc xe nêu trên thuộc sở hữu của ông Huỳnh Trung T, ông Tiến đã giao xe và giấy tờ cho bà Trần Thị Mỹ H1 theo hợp đồng cho thuê. Khi nhận được xe và giấy tờ, bà H1 cung cấp thông tin cho ông Thạch Văn L1 (Trưởng Văn phòng Công chứng Cộng sự T) làm giả hợp đồng ủy quyền từ ông Nguyễn Văn Q (người đứng tên trong giấy đăng ký xe) sang tên cho bà Trần Thị Mỹ H1. Sau đó, bà H1 bán xe cho ông Đặng Vĩ B. Sau đó, ông B bán lại cho ông Mai Hoàng S. Ông S bán lại cho ông Lê Văn H. Và ông H bán lại cho ông Nguyễn Tâm L. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã thu hồi xe từ ông L và trả cho ông Huỳnh Trung Hiếu. Bản án hình sự xác định đối với xe ô tô biển số 65A-038.90 (đăng ký biển số mới 61A – 333.26) đã thu hồi trả cho chủ sở hữu, những người có liên quan đã mua xe sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật dân sự.

Do đó, ông Nguyễn Tâm L khởi kiện ông Lê Văn H yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán xe ngày 05/12/2016 giữa ông Lê Văn H và ông Nguyễn Tâm L, được công chứng tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 15972, quyển số 07- TVP/SCC-HĐGD và buộc ông Lê Văn H trả cho ông Nguyễn Tâm L số tiền 435.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu bị đơn bồi thường.

2. Theo đơn kiến nghị ngày 24/4/2019, biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2019, bị đơn ông Lê Văn H (vắng mặt tại phiên tòa) trình bày:

Ông Lê Văn H thừa nhận có bán cho ông Nguyễn Tâm L chiếc xe Toyota mang biển số 65A – 038.90 (đăng ký biển số mới 61A – 333.26), hai bên ký kết Hợp đồng mua bán xe số 15972, quyển số 07/TPV/SCC-HĐGD ngày 05/12/2016 tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai với giá ghi trên hợp đồng là 150.000.000 đồng nhưng giá thực tế mua bán là 435.000.000 đồng. Bên bán đã nhận tiền mặt trực tiếp từ ông Nguyễn Tâm L, bên mua đã nhận xe.

Nguồn gốc của chiếc xe ô tô biển số 65A-038.90 do ông H, ông Lưu S1 và ông Lê Văn S2 hùn tiền chung để mua của ông Mai Hoàng S với giá 416.000.000 đồng. Ông H là người đứng tên trong hợp đồng mua bán với ông Mai Hoàng S. Sau khi có giấy tờ hợp pháp, ông H đã bán lại chiếc xe cho ông L.

Ông H cho rằng không vi phạm nghĩa vụ của bên bán, hợp đồng mua bán giữa ông và ông L là hoàn toàn hợp pháp, được công chứng chứng thực, ông L đã được Công an tỉnh Bình Dương sang tên và cấp biển số mới 61A-333.26, ông L là người có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến chiếc xe nên ông H không có trách nhiệm gì đối với chiếc xe này nữa. Do đó, ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Hoàng S (vắng mặt tại phiên tòa) trình bày:

Khoảng năm 2016, ông Mai Hoàng S mua chiếc xe ô tô biển số 65A-038.90 của ông Đặng Vĩ B với giá 412.000.000 đồng. Sau đó, ông S bán lại cho ông Lê Văn H với giá 415.000.000 đồng. Ông S đã nhận đủ tiền bán xe từ ông H

và giao xe cho ông H. Đối với chiếc xe này ông S xác định không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan nữa. Đối với tranh chấp giữa ông L và ông H liên quan đến chiếc xe ô tô biển số 65A-038.90, ông S không có ý kiến gì hay yêu cầu gì, ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết với nhau bằng một vụ án khác.

4. Theo các biên bản lấy lời khai 19/3/2019 và ngày 05/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu S1 và ông Lê Văn S2 (vắng mặt tại phiên tòa) trình bày:

Ông Lưu S1, ông Lê Văn S2 và ông Lê Văn H là bạn bè trong giới buôn bán xe, thường xuyên hùn vốn với nhau để mua bán xe kiếm lời. Tuy nhiên, ông Lưu S1 và ông Lê Văn S2 có hùn vốn với ông H để mua chiếc xe ô tô biển số 65A-038.90 hay không thì các ông không nhớ, cũng không biết thông tin gì về chiếc xe này, cũng không biết ông Nguyễn Tâm L là ai. Do đó, trong vụ án này các ông đều xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì và đề nghị Tòa án không đưa các ông vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp có xảy ra tranh chấp giữa ông H và các ông thì các ông sẽ tự giải quyết với nhau.

5. *Theo các biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2019 và ngày 17/6/2019, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Vĩ B là ông Nguyễn Hoàng L3 (vắng mặt tại phiên tòa) trình bày:*

Ông Đặng Vĩ B không có quan hệ ruột thịt với bà Trần Thị Mỹ H1, qua người quen giới thiệu ông B đã nhận 02 chiếc xe ô tô từ bà H1 bằng hợp đồng ủy quyền, một chiếc xe ông B sử dụng để đi lại, còn chiếc xe biển số 65A-038.90 liên quan trong vụ án này ông B đã lập hợp đồng mua bán cho ông Mai Hoàng S tại văn phòng công chứng. Ông B đã nhận tiền và giao xe cho ông S nên ông S có toàn quyền định đoạt đối với chiếc xe này. Đối với mối quan hệ mua bán giữa ông B và ông S, trường hợp có xảy ra tranh chấp thì các ông tự giải quyết với nhau, không liên quan gì trong vụ án này. Đối với quan hệ tranh chấp giữa ông L và ông H thì ông B xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H1, ông Thạch Văn L1 và ông Nguyễn Văn Q (vắng mặt tại phiên tòa) trình bày: Bà H1, ông L1, ông Q đều xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án này. Các ông bà không có yêu cầu độc lập, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì và cũng không đề nghị Tòa án triệu tập thêm ai tham gia tố tụng. Đối với yêu cầu khởi kiện của đương sự trong vụ án này các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trung T (vắng mặt tại phiên tòa) trình bày:

Ông Huỳnh Trung T là chủ sở hữu của chiếc xe ô tô biển số 65A- 038.90. Nguồn gốc xe do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Q. Khoảng tháng 3/2016, ông Hiếu cho bà Trần Thị Mỹ H1 thuê chiếc xe với giá 21.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê là 02 tuần, hết thời hạn thuê bà H1 gia hạn thêm hợp đồng thuê, giá thuê giảm xuống 20.000.000 đồng/tháng. Khoảng tháng 10/2016, ông Tiến biết xe của mình đang hoạt động tại địa bàn tỉnh Bình Dương do khi cho thuê xe ông có gắn định vị. Bà H1 không trả xe theo yêu cầu nên ông Hiếu đã làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an. Công an tỉnh T đã thu hồi xe và trả lại cho ông Hiếu chiếc xe biển số 65A-03890. Việc tranh chấp hợp đồng mua bán xe giữa ông Nguyễn Tâm L và ông Lê Văn H đối với xe ô tô biển số 65A-038.90 (đăng ký biển số mới 61A- 333.26) không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông, ông đã nhận lại chiếc xe và không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án này nên ông đề nghị Tòa án không triệu tập ông tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

8. Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc H2 (vắng mặt tại phiên tòa) trình bày: Bà H2 là vợ của ông Nguyễn Tâm L, bà H2 xác định số tiền ông L dùng để mua chiếc xe ô tô biển số 65A-038.90 là tài sản riêng của ông L, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng, bà xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án này và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

9. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng N trình bày: Hợp đồng mua bán xe giữa ông Lê Văn H và ông Nguyễn Tâm L được công chứng tại Văn phòng Công chứng N theo Hợp đồng mua bán xe số 15972, quyển số 07/TPV/SCC-HĐGD ngày 05/12/2016, hợp đồng được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tâm L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán xe với bị đơn ông Lê Văn H.

- Hủy Hợp đồng mua bán xe giữa ông Lê Văn H và ông Nguyễn Tâm L được công chứng tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 15972, quyển số 07- TVP/SCC-HĐGD ngày 05/12/2016.

- Buộc ông Lê Văn H phải thanh toán cho ông Nguyễn Tâm L số tiền 435.000.000 (bốn trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 08/10/2019, bị đơn ông Lê Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên ý yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy hợp đồng mua bán xe giữa ông L và ông H bị vô hiệu do đối tượng mua bán là tài sản do phạm tội mà có, vi phạm điều cấm của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng và buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 435.000.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H1, ông Thạch Văn L1, ông Đặng Vĩ B, ông Mai Hoàng S, ông Huỳnh Trung T, ông Nguyễn Văn Q, ông Lưu S1, ông Lê Văn S2, bà Kiều Mỹ H1, bà Trần Thị Ngọc H2, Văn phòng Công chứng Hố Nai có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Tâm L khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán xe giữa ông Lê Văn H và ông Nguyễn Tâm L được công chứng tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 15972, quyển số 07-TVP/SCC-HĐGD ngày 05/12/2016 và buộc ông Lê Văn H trả cho ông số tiền 435.000.000 đồng. Bị đơn ông Lê Văn H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự nhận thấy:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất việc giao dịch mua bán chiếc xe ô tô biển số 65A- 038.90 theo Hợp đồng mua bán xe được Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai công chứng số 15972, quyển số 07-TVP/SCC-HĐGD ngày 05/12/2016. Giá ghi trong hợp đồng là 150.000.000 đồng nhưng giá trị thực tế giao dịch là 435.000.000 đồng. Ông L đã thanh toán đủ số tiền 435.000.000 đồng cho ông H và ông H đã giao xe và giấy tờ xe cho ông L. Ông L đã làm thủ tục sang tên và được Công an tỉnh Bình Dương cấp biển số mới là 61A- 333.26. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Giao dịch mua bán chiếc xe ô tô biển số 65A- 038.90 theo Hợp đồng mua bán xe được Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai công chứng số 15972, quyển số 07-TVP/SCC-HĐGD ngày 05/12/2016 giữa ông L và ông H được thực

hiện đúng pháp luật, là giao dịch hợp pháp. Tuy nhiên, căn cứ Bản án hình sự số 07/2018/HSST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T (đã có hiệu lực thi hành) thì chiếc xe ô tô biển số 65A- 038.90 là tài sản của thuộc sở hữu của ông Huỳnh Trung T, bị cáo Trần Thị Mỹ H1 có được chiếc xe ô tô từ hợp đồng thuê với ông Tiến nhưng sau khi hết thời hạn thuê, bị cáo Hằng không trả xe mà cùng bị cáo Thạch Văn L1 làm giả hợp đồng ủy quyền từ tên Nguyễn Văn Q (là người đứng tên trong giấy tờ xe) sang tên Trần Thị Mỹ H1, sau đó Trần Thị Mỹ H1 đem xe và giấy tờ xe cầm cố cho ông Đặng Vĩ B; ông Đặng Vĩ B bán lại cho ông Mai Hoàng S; ông Mai Hoàng S bán lại cho ông Lê Văn H; ông Lê Văn H bán lại cho ông Nguyễn Tâm L. Ngày 08/02/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã thu hồi xe từ ông Nguyễn Tâm L và trao trả cho ông Huỳnh Trung T. Về trách nhiệm dân sự, bản án chỉ buộc bị cáo Trần Thị Mỹ H1 phải bồi thường cho ông Đặng Vĩ B 750.000.000 đồng; riêng những người có liên quan mua xe từ những người cầm xe của bị cáo Trần Thị Mỹ H1, đây là giao dịch dân sự sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự. Như vậy, đối tượng của hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển số 65A- 038.90 giữa ông H và ông L là tài sản do phạm tội mà có, không được phép giao dịch được quy định tại khoản 1 Điều 429 Bộ luật Dân sự 2005 nên hợp đồng mua bán xe vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được theo Điều 411 Bộ luật Dân sự năm 2005, cụ thể là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T thu hồi xe, trả cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Tiến. Khi giao dịch mua bán xe, cả ông H và ông L đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu mà là lỗi khách quan, do có sự kiện pháp lý phát sinh sau khi hợp đồng đã có hiệu lực. Do đó, ông L và ông H đều không phát sinh nghĩa vụ bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng mua bán xe ngày 05/12/2016 là chưa phù hợp, trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền mua bán xe là 435.000.000 đồng.

[2.3] Ông Lê Văn H cho rằng chiếc xe trên do ông hùn tiền chung với ông Lưu S1 và ông Lê Văn S2 để mua nhưng không được ông Lưu S1 và ông Lê Văn S2 thừa nhận và ông H không giao nộp được chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của ông H nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp có tranh chấp giữa ông H, ông Lưu S1 và ông Lê Văn S2 hay có tranh chấp đối với các giao dịch mua bán xe giữa ông Lê Văn H với ông Mai Hoàng S, giữa ông Mai Hoàng S với ông Đặng Vĩ B sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh kháng cáo là có căn cứ nên không được chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bình Dương về việc buộc ông H trả cho ông L số tiền 435.000.000 đồng là có căn cứ. Từ những nhận định trên, xét thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm về việc tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ các Điều 411, 428, 429 và 443 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tâm L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán xe với bị đơn ông Lê Văn H.

Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe giữa ông Lê Văn H và ông Nguyễn Tâm L được công chứng tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 15972, quyển số 07- TVP/SCC-HĐGD ngày 05/12/2016 là vô hiệu.

Buộc ông Lê Văn H phải thanh toán cho ông Nguyễn Tâm L số tiền 435.000.000 (bốn trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Trả cho ông Nguyễn Tâm L 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0027856, ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho ông Lê Văn H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0029486 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- TAND thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Trúc